

CHƯƠNG 11
DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

(Bản dịch không chính thức của Vụ Hợp tác quốc tế, Ngân hàng Nhà nước)

CHƯƠNG 11

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Điều 11.1: Định nghĩa

Nhằm phục vụ Chương này:

nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của một Bên có nghĩa là người của một Bên cung cấp dịch vụ tài chính trên lãnh thổ của Bên đó và mong muốn cung cấp hoặc đang cung cấp một dịch vụ tài chính thông qua hoạt động cung cấp qua biên giới dịch vụ đó;

thương mại qua biên giới đối với các dịch vụ tài chính hoặc cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới là việc cung cấp một dịch vụ tài chính:

- (a) từ lãnh thổ của một Bên sang lãnh thổ của một Bên khác,
- (b) trong lãnh thổ của một Bên cho người của một Bên khác, hoặc
- (c) bởi một công dân của một Bên trên lãnh thổ của một Bên khác,

nhưng không bao gồm việc cung cấp một dịch vụ tài chính trên lãnh thổ của một Bên thông qua một khoản đầu tư trên lãnh thổ Bên đó;

tổ chức tài chính có nghĩa là bất kỳ trung gian tài chính hay doanh nghiệp khác nào được phép kinh doanh và được quản lý hoặc giám sát như một tổ chức tài chính theo pháp luật của Bên mà tổ chức đó đặt trụ sở;

tổ chức tài chính của một Bên khác là tổ chức tài chính, bao gồm cả một chi nhánh, đặt tại lãnh thổ của một Bên do người của một Bên khác kiểm soát;

dịch vụ tài chính là bất kỳ dịch vụ nào có bản chất tài chính. Các dịch vụ tài chính bao gồm tất cả dịch vụ bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm, và tất cả dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (trừ bảo hiểm), cũng như các dịch vụ kèm theo hoặc phụ trợ cho một dịch vụ có bản chất tài chính. Các dịch vụ tài chính bao gồm các hoạt động sau đây:

Bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

- (a) bảo hiểm trực tiếp (bao gồm đồng bảo hiểm):
 - (i) nhân thọ;
 - (ii) phi nhân thọ;
- (b) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm;
- (c) trung gian bảo hiểm, ví dụ như môi giới và đại lý; và
- (d) các dịch vụ phụ trợ cho bảo hiểm, ví dụ như tư vấn, thống kê, đánh giá rủi ro và các dịch vụ giải quyết khiếu nại.

Ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (trừ bảo hiểm)

- (e) nhận tiền gửi và các khoản tiền có thể thanh toán khác từ công chúng;
- (f) tất cả các loại hình cho vay, bao gồm tín dụng tiêu dùng, tín dụng thế chấp, bao thanh toán, và tài trợ các giao dịch thương mại;

- (g) cho thuê tài chính;
- (h) tất cả các dịch vụ thanh toán và chuyển tiền, bao gồm các loại thẻ tín dụng, thanh toán, ghi nợ, séc du lịch và hối phiếu ngân hàng;
- (i) bảo lãnh và cam kết;
- (j) giao dịch cho tài khoản của mình hoặc tài khoản của khách hàng, bất kể ở sở giao dịch, thị trường phi tập trung (OTC), hoặc các thị trường khác về:
 - (i) các công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm séc, hóa đơn, chứng chỉ tiền gửi);
 - (ii) ngoại hối;
 - (iii) các sản phẩm phái sinh bao gồm, hợp đồng tương lai và hợp đồng quyền chọn;
 - (iv) các công cụ tỷ giá hối đoái và lãi suất, bao gồm các sản phẩm như các hợp đồng hoán đổi, các hợp đồng lãi suất kỳ hạn;
 - (v) chứng khoán có thể chuyển nhượng; và
 - (vi) các công cụ có thể chuyển nhượng khác và các tài sản tài chính khác, bao gồm vàng nén;
- (k) tham gia vào các đợt phát hành tất cả các loại chứng khoán, bao gồm bảo lãnh phát hành và chào bán với vai trò là đại lý (dù chào bán công khai hay theo chào bán riêng lẻ) và cung cấp các dịch vụ liên quan đến các đợt phát hành đó;
- (l) môi giới tiền tệ;
- (m) quản lý tài sản, ví dụ như quản lý tiền mặt hoặc quản lý danh mục đầu tư, tất cả các hình thức quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, các dịch vụ giám hộ, lưu ký, và ủy thác;
- (n) các dịch vụ thanh toán và bù trừ đối với các tài sản tài chính, bao gồm chứng khoán, các sản phẩm phái sinh, và các công cụ có thể chuyển nhượng khác;
- (o) cung cấp và chuyển giao thông tin tài chính, và xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan bởi các nhà cung cấp các dịch vụ tài chính khác; và
- (p) tư vấn, trung gian, và các dịch vụ tài chính phụ trợ khác đối với tất cả các hoạt động được liệt kê trong các điểm (e) đến (o), bao gồm tham khảo và phân tích tín dụng, nghiên cứu và tư vấn đầu tư và danh mục đầu tư, tư vấn về các hoạt động mua lại và tái cơ cấu và chiến lược doanh nghiệp;

nhà cung cấp dịch vụ tài chính của một Bên là một thể nhân của một Bên kinh doanh cung cấp một dịch vụ tài chính trên lãnh thổ của Bên đó;

khoản đầu tư là "khoản đầu tư" theo quy định tại Điều 9.1(Định nghĩa), ngoại trừ đối với "các khoản vay" và "các công cụ nợ" được đề cập tại Điều trên:

- (a) một khoản vay của hoặc công cụ nợ do một tổ chức tài chính phát hành là một khoản đầu tư chỉ khi nó được coi là vốn theo quy định của một Bên mà tổ chức tài chính đó đặt trụ sở trên lãnh thổ của Bên đó;

(b) một khoản vay được một tổ chức tài chính cung cấp hoặc một công cụ nợ thuộc sở hữu của tổ chức đó, ngoại trừ khoản vay hoặc công cụ nợ được phát hành bởi một tổ chức tài chính được đề cập tại điểm (a), không phải là một khoản đầu tư;

để rõ nghĩa hơn, một khoản vay được cấp bởi hoặc công cụ nợ thuộc sở hữu của một nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới, khác với một khoản vay của hoặc công cụ nợ do một tổ chức tài chính phát hành, là một khoản đầu tư được định nghĩa trong Chương 9 (Đầu tư), nếu khoản vay hoặc công cụ nợ đó đáp ứng các tiêu chuẩn về đầu tư trong Điều 9.1 (Định nghĩa);

nhà đầu tư của một Bên có nghĩa là một Bên, hoặc một người của một Bên, có ý định đầu tư¹, đang đầu tư, hoặc đã đầu tư trên lãnh thổ của một Bên khác;

dịch vụ tài chính mới là một dịch vụ tài chính chưa cung cấp trong lãnh thổ của một Bên mà được cung cấp trong lãnh thổ của một Bên khác, và bao gồm bất kỳ hình thức cung cấp mới một dịch vụ tài chính hoặc bán một sản phẩm tài chính mà chưa được bán trong lãnh thổ của Bên đó;

người của một Bên là "người của một Bên" như quy định tại Điều 1.3 (Định nghĩa chung) và, để rõ nghĩa hơn, không bao gồm chi nhánh của một doanh nghiệp của một Bên không tham gia Hiệp định;

tổ chức công là một ngân hàng trung ương hoặc cơ quan tiền tệ của một Bên, hoặc bất kỳ tổ chức tài chính thuộc sở hữu hoặc được một Bên kiểm soát; và

tổ chức được ủy quyền quản lý là bất kỳ cơ quan phi chính phủ nào, trong đó có bất kỳ sở giao dịch hoặc thị trường chứng khoán hoặc sở giao dịch/thị trường tương lai, cơ quan bù trừ, hoặc tổ chức hay hiệp hội khác, thực hiện thẩm quyền quản lý hoặc giám sát đối với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính hoặc các tổ chức tài chính theo luật hoặc được phân cấp quản lý từ chính quyền trung ương hoặc khu vực.

Điều 11.2: Đối tượng điều chỉnh

1. Chương này điều chỉnh các biện pháp được áp dụng hoặc duy trì bởi một Bên liên quan đến:

- (a) các tổ chức tài chính của một Bên khác;
- (b) các nhà đầu tư của một Bên khác, và các khoản đầu tư của các nhà đầu tư đó vào các tổ chức tài chính trên lãnh thổ của Bên đó; và
- (c) thương mại qua biên giới đối với các dịch vụ tài chính.

2. Các Chương 9 (Đầu tư) và 10 (Thương mại dịch vụ qua biên giới) áp dụng đối với các biện pháp được mô tả trong khoản 1 khi các Chương đó hoặc các điều của các Chương đó được quy định tại Chương này.

- (a) Điều 9.6 (Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu), Điều 9.7 (Đối xử trong trường hợp xung đột vũ trang hoặc tranh chấp dân sự), Điều 9.8 (Trung thu và Bồi thường), Điều 9.9 (Chuyên tiền), Điều 9.13 (Thủ tục và các yêu cầu thông tin đặc biệt), Điều 9.15 (Đầu tư và Môi trường, Sức khỏe và các mục tiêu chính

¹ Để rõ nghĩa hơn, các Bên hiểu rằng một nhà đầu tư "có ý định" đầu tư khi mà nhà đầu tư đó có một hoặc nhiều hành động cụ thể, như là chuyển các nguồn lực hoặc vốn để thành lập công ty, hoặc nộp đơn xin cấp phép.

sách khác) và Điều 10.10 (Từ chối lợi ích) được đưa vào đây và là một phần của Chương này.

(b) Mục B của Chương 9 (Đầu tư) được đưa vào đây và là một phần của Chương này² nhằm khẳng định rằng một Bên vi phạm Điều 9.6 (Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu)³, Điều 9.7 (Đối xử trong trường hợp xung đột vũ trang hoặc tranh chấp dân sự), Điều 9.8 (Trung thu và bồi thường), Điều 9.9 (Chuyển tiền), Điều 9.13 (Thủ tục và các yêu cầu thông tin đặc biệt) và Điều 9.14 (Từ chối lợi ích) được đưa vào Chương này tại điểm (a).⁴

(c) Điều 10.12 (Thanh toán và Chuyển tiền) được đưa vào đây và là một phần của Chương này khi việc cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới phù hợp với quy định tại Điều 11.6 (Thương mại qua biên giới).

3. Chương này không điều chỉnh các biện pháp được áp dụng hoặc duy trì bởi một Bên liên quan đến:

(a) các hoạt động hoặc các dịch vụ là một phần của một kế hoạch hưu trí công hoặc hệ thống an sinh xã hội;

(b) các hoạt động hoặc dịch vụ thực hiện vì mục đích hoặc với sự bảo lãnh hoặc sử dụng các nguồn lực tài chính của Bên đó, bao gồm cả các tổ chức công,

ngoại trừ Chương này sẽ áp dụng đối với trường hợp một Bên cho phép bất kỳ các hoạt động hoặc dịch vụ nào được nêu tại điểm (a) hoặc (b) được thực hiện bởi các tổ chức tài chính của Bên đó nhằm cạnh tranh với một tổ chức công hoặc một tổ chức tài chính.

4. Chương này không điều chỉnh mua sắm chính phủ đối với các dịch vụ tài chính.

5. Chương này không điều chỉnh các khoản trợ cấp hoặc tài trợ liên quan tới cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới, bao gồm các khoản vay, các khoản bảo lãnh và bảo hiểm do Chính phủ hỗ trợ.

Điều 11.3: Đối xử quốc gia⁵

1. Mỗi Bên dành cho các nhà đầu tư của một Bên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các nhà đầu tư của mình, trong những trường hợp

² Để rõ nghĩa hơn, Mục B của Chương 9 (Đầu tư) không được áp dụng cho thương mại qua biên giới trong dịch vụ tài chính.

³ Đối với Bru-nây Đa-ru-sa-lem, Chi-lê, Mê-hi-cô và Pê-ru, áp dụng Phụ lục 11-E.

⁴ Để làm rõ nghĩa hơn, khi nhà đầu tư của một Bên khiếu kiện lên trọng tài theo Mục B của Chương 9 (Đầu tư): (1) như được dẫn chiếu tại Điều 9.23.7 (Điều hành của trọng tài), nhà đầu tư chịu trách nhiệm chứng minh toàn bộ nội dung khiếu kiện, phù hợp với nguyên tắc chung của luật quốc tế áp dụng đối với trọng tài đầu tư quốc tế; (2) theo Điều 9.23.4, Tòa trọng tài sẽ giải quyết và quyết định về bất kỳ phản đối nào của bị đơn với tính chất là vấn đề mở đầu, xét theo góc độ pháp luật, một khiếu kiện được đệ trình không phải là khiếu kiện mà quyền phán quyết có lợi cho nguyên đơn có thể được thực hiện theo Điều 9.29 (Phán quyết); và (3) theo Điều 9.23.6, toà trọng tài có thể phán quyết cho bên thắng kiện được hưởng chi phí và phí luật sư hợp lý phát sinh trong việc trình hoặc bác bỏ phản đối đó, nếu hợp lý và trong quyết định phán quyết này có hợp lý hay không, toà trọng tài sẽ xem xét khiếu kiện của nguyên đơn hoặc phản đối của bị đơn là vô giá trị và sẽ dành cho các bên tranh chấp cơ hội hợp lý để bình luận.

⁵ Để rõ nghĩa hơn, sự đối xử trong “trường hợp tương tự” theo Điều 11.3 (Đối xử quốc gia) hay Điều 11.4 (Đối xử tối huệ quốc) phụ thuộc vào hoàn cảnh tổng thể của từng trường hợp, bao gồm việc liệu một đối xử tương đương có phân biệt giữa các nhà đầu tư, khoản đầu tư, tổ chức tài chính, hoặc nhà cung cấp dịch vụ tài chính trên cơ sở mục tiêu phúc lợi xã hội hợp pháp.

tương tự, liên quan tới việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, thực hiện, vận hành, và bán hoặc chuyển nhượng khác của các tổ chức tài chính và các khoản đầu tư vào các tổ chức tài chính trên lãnh thổ của mình.

2. Mỗi Bên sẽ dành cho các tổ chức tài chính của một Bên khác và cho các khoản đầu tư của các nhà đầu tư của một Bên khác trong các tổ chức tài chính sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các tổ chức tài chính và các khoản đầu tư của các nhà đầu tư của mình trong các tổ chức tài chính, trong những trường hợp tương tự, liên quan tới việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, thực hiện, vận hành, và bán hoặc chuyển nhượng khác của các tổ chức tài chính và các khoản đầu tư.

3. Để rõ nghĩa hơn, đối xử của một Bên tại khoản 1 và 2, xét về cấp chính quyền khu vực, có nghĩa là đối xử không kém thuận lợi hơn so với đối xử ưu đãi nhất, trong những trường hợp tương tự, mà chính quyền khu vực đó dành cho các nhà đầu tư, các tổ chức tài chính và các khoản đầu tư của các nhà đầu tư trong các tổ chức tài chính của Bên mà nó là một phần.

4. Nhằm mục đích tuân thủ các nghĩa vụ đối xử quốc gia trong Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới), một Bên dành cho các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của một Bên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các nhà cung cấp dịch vụ tài chính của mình, trong những trường hợp tương tự, liên quan tới việc cung cấp dịch vụ tương ứng.

Điều 11.4: Đối xử tối huệ quốc

1. Mỗi Bên dành cho:

(a) các nhà đầu tư của một Bên khác, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các nhà đầu tư của bất kỳ Bên nào khác hoặc của một Bên không tham gia Hiệp định, trong những trường hợp tương tự;

(b) các tổ chức tài chính của một Bên khác, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các tổ chức tài chính của bất kỳ Bên nào khác hoặc của một Bên không tham gia Hiệp định, trong những trường hợp tương tự;

(c) các khoản đầu tư của các nhà đầu tư của một Bên khác trong các tổ chức tài chính, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các khoản đầu tư của các nhà đầu tư của bất kỳ Bên nào khác hoặc của một Bên không tham gia Hiệp định trong các tổ chức tài chính, trong những trường hợp tương tự; và

(d) các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của một Bên khác, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của bất kỳ Bên nào khác hoặc của một Bên không tham gia Hiệp định, trong những trường hợp tương tự.

2. Để rõ nghĩa hơn, nghĩa vụ được đề cập đến trong khoản 1 không bao gồm thủ tục hoặc cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế như những nghĩa vụ tại Điều 11.2.2(b) (Đối trọng điều chỉnh).

Điều 11.5: Tiếp cận thị trường đối với các tổ chức tài chính

Không Bên nào được áp dụng hoặc duy trì các biện pháp đối với các tổ chức tài chính của một Bên khác, hoặc các nhà đầu tư của một Bên khác đang tìm cách thành lập các tổ chức tài chính, cả trên phạm vi từng khu vực hoặc trên toàn bộ lãnh thổ của mình:

- (a) áp đặt các hạn chế về
 - (i) số lượng các tổ chức tài chính bất kể dưới hình thức hạn ngạch, độc quyền, các nhà cung cấp dịch vụ độc quyền, hoặc yêu cầu áp dụng công cụ kiểm tra nhu cầu kinh tế;
 - (ii) tổng giá trị các giao dịch dịch vụ tài chính hoặc tài sản dưới hình thức hạn ngạch số lượng hoặc yêu cầu áp dụng công cụ kiểm tra nhu cầu kinh tế;
 - (iii) tổng số các hoạt động dịch vụ tài chính hoặc tổng số sản lượng đầu ra dịch vụ tài chính thể hiện bằng đơn vị số lượng xác định có hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu áp dụng công cụ kiểm tra nhu cầu kinh tế⁶; hoặc
 - (iv) tổng số thể nhân có thể được thuê làm việc trong một lĩnh vực dịch vụ tài chính cụ thể hay tổng số thể nhân mà một tổ chức tài chính có thể thuê và là người cần thiết, và trực tiếp liên quan đến việc cung cấp một dịch vụ tài chính cụ thể dưới các hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu áp dụng công cụ kiểm tra nhu cầu kinh tế; hoặc
- (b) hạn chế hoặc yêu cầu các loại hình pháp nhân hoặc liên doanh cụ thể thông qua đó một tổ chức tài chính có thể cung cấp một dịch vụ.

⁶ Khoản (a)(iii) không bao gồm các biện pháp của một Bên giới hạn đầu vào cho việc cung cấp các dịch vụ tài chính.

Điều 11.6: Thương mại qua biên giới

1. Mỗi Bên cho phép, theo các điều khoản và điều kiện phù hợp với nghĩa vụ đối xử quốc gia, các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của Bên khác cung cấp các dịch vụ tài chính theo quy định tại Phụ lục 11-A (Thương mại qua biên giới).
2. Mỗi Bên cho phép những người ở trên lãnh thổ của mình, và các công dân của mình ở bất cứ đâu, mua các dịch vụ tài chính từ các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của một Bên khác có trụ sở ở trên lãnh thổ của một Bên khác không phải Bên cho phép. Nghĩa vụ này không yêu cầu một Bên cho phép các nhà cung cấp đó kinh doanh hoặc chào hàng trên lãnh thổ của mình. Mỗi Bên có thể định nghĩa "kinh doanh" và "chào hàng" nhằm mục đích của nghĩa vụ này với điều kiện các định nghĩa đó không trái với khoản 1.
3. Không làm ảnh hưởng đến các biện pháp khác về quy định thận trọng đối với thương mại qua biên giới trong dịch vụ tài chính, một Bên có thể yêu cầu việc đăng ký hoặc cấp phép đối với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của một Bên khác và đối với các công cụ tài chính.

Điều 11.7: Các dịch vụ tài chính mới⁷

Mỗi Bên cho phép các tổ chức tài chính của một Bên khác cung cấp bất kỳ dịch vụ tài chính mới nào mà Bên đó cho phép các tổ chức tài chính của mình cung cấp, trong những trường hợp tương tự, mà không cần thông qua một đạo luật mới hoặc sửa đổi pháp luật hiện hành.⁸ Bất kể Điều 11.5 (b) (Tiếp cận thị trường cho các tổ chức tài chính), một Bên có thể xác định hình thức thể chế và pháp lý mà qua đó dịch vụ tài chính mới có thể được cung cấp và có thể yêu cầu cấp phép để cung cấp dịch vụ. Nếu một Bên yêu cầu một tổ chức tài chính phải xin giấy phép cung cấp một dịch vụ tài chính mới, Bên đó sẽ quyết định trong một khoảng thời gian hợp lý về việc cấp phép và có thể từ chối việc cấp phép chỉ vì các lý do thận trọng.

Điều 11.8: Xử lý các thông tin nhất định

Không có quy định nào trong Chương này đòi hỏi một Bên cung cấp hoặc cho phép tiếp cận:

- (a) thông tin liên quan đến các vấn đề tài chính và các tài khoản khách hàng cá nhân của các tổ chức tài chính hoặc các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới; hoặc
- (b) bất kỳ thông tin mật nào, mà việc tiết lộ thông tin đó sẽ cản trở việc thi hành pháp luật hoặc trái với lợi ích công cộng hoặc làm phương hại đến lợi ích thương mại hợp pháp của các doanh nghiệp cụ thể.

⁷ Các Bên hiểu rằng không có quy định nào trong Điều khoản này ngăn cản một tổ chức tài chính của một Bên yêu cầu một Bên khác cho phép cung cấp một dịch vụ tài chính mà chưa được cung cấp trên lãnh thổ của bất kỳ Bên nào. Việc xin phép phải tuân theo pháp luật của Bên mà bộ hồ sơ được xây dựng và để làm rõ nghĩa hơn, không phải chịu các nghĩa vụ của Điều khoản này.

⁸ Để làm rõ nghĩa hơn, một Bên có thể ban hành một quy định mới hoặc văn bản dưới luật khác trong việc cho phép cung cấp dịch vụ tài chính mới.

Điều 11.9: Nhân sự Quản lý cấp cao và ban giám đốc

1. Không Bên nào được yêu cầu các tổ chức tài chính của một Bên khác thuê sử dụng các tự nhiên nhân mang bất kỳ quốc tịch cụ thể nào để giữ vị trí quản lý cấp cao trong ban giám đốc hoặc các vị trí nhân sự chủ chốt khác.
2. Không Bên nào được yêu cầu về việc một tổ chức tài chính của một Bên khác phải có tỷ lệ thành viên trong Hội đồng quản trị của tổ chức tài chính đó là công dân của Bên mình, là người cư trú trên lãnh thổ của Bên mình, hoặc kết hợp cả hai yêu cầu đó, ở mức cao hơn thiểu số.

Điều 11.10: Các biện pháp không tương thích

1. Điều 11.3 (Đối xử quốc gia) đến Điều 11.6 (Thương mại qua biên giới) và Điều 11.9 (Nhân sự Quản lý cấp cao và Ban giám đốc) không áp dụng đối với:

- (a) bất kỳ biện pháp hiện hành không phù hợp nào được một Bên duy trì ở:
 - (i) cấp chính quyền trung ương, như quy định tại Mục A trong Danh mục của Phụ lục III của Bên đó;
 - (ii) cấp chính quyền khu vực, như quy định tại Mục A trong Danh mục của Phụ lục III của Bên đó;
 - (iii) cấp chính quyền địa phương;
- (b) việc tiếp tục hoặc gia hạn lập tức bất kỳ biện pháp không tương thích nào được đề cập tại điểm (a); hoặc
- (c) việc sửa đổi bất kỳ biện pháp không tương thích nào đề cập tại điểm (a) theo hướng việc sửa đổi đó không làm giảm tính tương thích của biện pháp đó như đã tồn tại:
 - (i) ngay trước khi sửa đổi, với Điều 11.3 (Đối xử quốc gia), Điều 11.4 (Đối xử tối huệ quốc), Điều 11.5 (Tiếp cận thị trường đối với các tổ chức tài chính) hoặc Điều 11.9 (Nhân sự Quản lý cấp cao và ban giám đốc); hoặc
 - (ii) vào ngày Hiệp định có hiệu lực đối với Bên áp dụng biện pháp không tương thích, đối với Điều 11.6 (Thương mại qua biên giới).

2. Điều 11.3 (Đối xử quốc gia), Điều 11.4 (Đối xử tối huệ quốc), Điều 11.5 (Tiếp cận thị trường đối với các tổ chức tài chính), Điều 11.6 (Thương mại qua biên giới) và Điều 11.9 (Nhân sự Quản lý cấp cao và ban giám đốc) không điều chỉnh bất kỳ biện pháp nào mà một Bên áp dụng hoặc duy trì đối với các ngành, các phân ngành, hoặc các hoạt động, như quy định tại Mục B trong Danh mục của Phụ lục III của Bên đó.

3. Một biện pháp không phù hợp quy định trong Danh mục của Phụ lục I hoặc II của một Bên trái với Điều 9.4 (Đối xử quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử tối huệ quốc), Điều 9.11 (Nhân sự Quản lý cấp cao và ban giám đốc), Điều 10.3 (Đối xử quốc gia) hoặc Điều 10.4 (Đối xử tối huệ quốc) sẽ được coi như một biện pháp không phù hợp trái với Điều 11.3 (Đối xử quốc gia), Điều 11.4 (Đối xử tối huệ quốc), hoặc Điều 11.9

⁹ Đối với Việt Nam, áp dụng Phụ lục 11-C.

(Nhân sự Quản lý cấp cao và ban giám đốc) tùy theo từng trường hợp, theo hướng biện pháp, ngành, phân ngành, hoặc hoạt động được quy định trong Danh mục đó được điều chỉnh tại Chương này.

4. (a) Điều 11.3 (Đối xử quốc gia) không áp dụng đối với bất kỳ biện pháp nào là một ngoại lệ của, hoặc trái với các nghĩa vụ tại:

- (i) Điều 18.8 (Đối xử quốc gia); hoặc
- (ii) Điều 3 trong Hiệp định TRIPS, nếu ngoại lệ hoặc việc trái quy định liên quan đến các vấn đề không thuộc Chương 18 (Sở hữu trí tuệ) giải quyết.

(b) Điều 11.4 (Đối xử tối huệ quốc) không áp dụng đối với bất kỳ biện pháp nào thuộc Điều 5 trong Hiệp định TRIPS, hoặc là ngoại lệ của, hoặc trái với các nghĩa vụ tại:

- (i) Điều 18.8 (Đối xử quốc gia); hoặc
- (ii) Điều 4 trong Hiệp định TRIPS.

Điều 11.11: Ngoại lệ

1. Bất kể các quy định nào khác của Chương và Hiệp định này ngoại trừ đối với Chương 2 (Đối xử quốc gia và Mở cửa thị trường đối với hàng hóa), Chương 3 (Quy tắc xuất xứ và các thủ tục chứng nhận xuất xứ), Chương 4 (Dệt may), Chương 5 (Các quy định hải quan và tạo thuận lợi thương mại), Chương 6 (Phòng vệ thương mại), Chương 7 (Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật), Chương 8 (Các quy định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại), một Bên sẽ không bị ngăn cản áp dụng hoặc duy trì các biện pháp vì các lý do an toàn thận trọng^{10,11}, kể cả vì mục đích bảo vệ các nhà đầu tư, người gửi tiền, người có hợp đồng bảo hiểm, hoặc những người mà nhiệm vụ ủy thác do một tổ chức tài chính hoặc một nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới nắm giữ, hoặc để bảo đảm tính toàn vẹn và ổn định của hệ thống tài chính. Nếu các biện pháp đó không phù hợp với quy định của Hiệp định này mà áp dụng điều khoản ngoại lệ này, các biện pháp đó sẽ không được sử dụng như một phương tiện nhằm tránh thực hiện các cam kết hoặc nghĩa vụ của một Bên theo các quy định tại Hiệp định.

2. Không có quy định nào trong Chương này, Chương 9 (Đầu tư), Chương 10 (Thương mại dịch vụ qua biên giới), Chương 13 (Viễn thông), cụ thể bao gồm Điều 13.24 (Liên hệ với các chương khác), hoặc Chương 14 (Thương mại điện tử), áp dụng đối với các biện pháp không phân biệt đối xử áp dụng chung được bất kỳ tổ chức công nào thực hiện nhằm theo đuổi các chính sách tiền tệ và chính sách có liên quan đến tín dụng hoặc các chính sách tỷ giá. Khoản này không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ của một Bên tại Điều 9.10 (Yêu cầu thực hiện) liên quan đến các biện pháp thuộc điều

¹⁰ Các Bên hiểu rằng thuật ngữ "lý do an toàn thận trọng" bao gồm việc duy trì an toàn, lành mạnh, tính toàn vẹn, hay trách nhiệm tài chính của các tổ chức tài chính đặc biệt hoặc nhà cung cấp dịch vụ tài chính xuyên biên giới cũng như sự an toàn và tính toàn vẹn tài chính và hoạt động của hệ thống thanh toán và bù trừ.

¹¹ Để làm rõ nghĩa hơn, nếu một biện pháp vi phạm Mục B Chương 9 (Đầu tư) được xác định do một Bên thực hiện hoặc duy trì vì lý do an toàn thận trọng phù hợp với quy định trong Điều 11.22 (Các tranh chấp đầu tư trong dịch vụ tài chính), tòa án sẽ phán quyết rằng biện pháp đó phù hợp với nghĩa vụ của Bên đó trong Hiệp định và do vậy sẽ không yêu cầu bất kỳ khoản bồi thường nào liên quan đến biện pháp này.

chính của Chương 9 (Đầu tư) hoặc theo quy định tại Điều 9.9 (Chuyển tiền) hoặc Điều 10.12 (Thanh toán và Chuyển tiền).

3. Mặc dù được quy định tại các Điều 9.9 (Chuyển tiền) và Điều 10.12 (Thanh toán và Chuyển tiền), như được đưa vào Chương này, một Bên có thể ngăn cản hoặc hạn chế việc chuyển tiền của tổ chức tài chính hoặc một nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới cho, hoặc vì lợi ích của một chi nhánh liên kết hoặc của một người liên kết hoặc người có liên quan đến tổ chức hoặc nhà cung cấp đó, thông qua việc áp dụng một cách công bằng, không phân biệt đối xử và thiện ý các biện pháp liên quan đến duy trì sự an toàn, lành mạnh, tính liêm chính, hoặc trách nhiệm tài chính của các tổ chức tài chính hoặc các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới. Khoản này không đi ngược lại bất kỳ quy định nào khác của Hiệp định này cho phép một Bên hạn chế việc chuyển tiền.

4. Để rõ nghĩa hơn, không có quy định nào trong Chương này được hiểu là ngăn cản một Bên áp dụng hoặc thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm tuân thủ pháp luật hoặc quy định mà không trái với Chương này, bao gồm các biện pháp phòng chống các hành vi lừa đảo và gian lận hoặc để giải quyết hậu quả các vụ vỡ nợ trong các hợp đồng dịch vụ tài chính, tùy thuộc vào yêu cầu về việc các biện pháp như vậy không được áp dụng theo cách mà sẽ tạo nên một cách thức phân biệt đối xử tùy tiện hoặc vô lý giữa các Bên hoặc giữa các Bên với các Bên không phải là thành viên Hiệp định trong các điều kiện nêu trên, hoặc cách thức hạn chế đầu tư trả hình vào các tổ chức tài chính hoặc thương mại qua biên giới đối với các dịch vụ tài chính được điều chỉnh tại Chương này.

Điều 11.12: Công nhận

1. Một Bên có thể công nhận các biện pháp thận trọng của một Bên khác, hoặc một Bên không phải là thành viên Hiệp định, trong việc áp dụng các biện pháp trong Chương này.¹² Sự công nhận này có thể là:

- (a) tự động chấp nhận;
- (b) đạt được thông qua việc hài hòa hóa hoặc các hình thức khác; hoặc
- (c) dựa trên một hiệp định hoặc thỏa thuận với một Bên khác, hoặc một Bên không là thành viên Hiệp định.

2. Một Bên, khi dành sự công nhận về các biện pháp thận trọng tại khoản 1, sẽ cung cấp đầy đủ cơ hội cho một Bên khác để chứng minh rằng có tồn tại các trường hợp, trong đó có hoặc sẽ có quy định tương đương, giám sát, thực hiện quy định, và, nếu thích hợp, các thủ tục liên quan đến việc chia sẻ thông tin giữa các Bên có liên quan.

3. Nếu một Bên dành sự công nhận các biện pháp thận trọng theo quy định tại khoản 1(c) và các trường hợp quy định tại khoản 2 tồn tại, Bên đó sẽ cung cấp đầy đủ cơ hội cho một Bên khác đàm phán gia nhập hiệp định hoặc thỏa thuận, hoặc đàm phán một hiệp định hoặc thỏa thuận tương đương.

¹² Để làm rõ nghĩa hơn, không có quy định nào trong Điều 11.4 (Đối xử tối huệ quốc) được hiểu là yêu cầu một Bên dành sự công nhận như vậy cho các biện pháp thận trọng của bất kỳ Bên nào khác.

Điều 11.13: Minh bạch và thi hành các biện pháp nhất định

1. Các Bên công nhận rằng các quy định và chính sách minh bạch điều chỉnh các hoạt động của các tổ chức tài chính và các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới đóng vai trò quan trọng nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và hoạt động trên các thị trường của nhau. Mỗi Bên cam kết nâng cao tính minh bạch đối với các quy định quản lý các dịch vụ tài chính.
2. Mỗi Bên sẽ bảo đảm rằng tất cả các biện pháp áp dụng chung được quy định tại Chương này được thực hiện một cách hợp lý, khách quan và công bằng.
3. Khoản 2, 3 và 4 của Điều 26.2 (Công bố), sẽ không điều chỉnh các quy định áp dụng chung liên quan đến đối tượng của Chương này. Mỗi Bên, trong phạm vi có thể, sẽ:
 - (a) công bố trước bất kỳ quy định nào mà Bên đó đề xuất áp dụng và mục đích của quy định đó; và
 - (b) tạo cơ hội hợp lý cho các cá nhân quan tâm và các Bên khác để góp ý cho các quy định được đề xuất.
4. Vào thời điểm thông qua quy định cuối cùng, một Bên cần, trong phạm vi có thể, thể hiện bằng văn bản các ý kiến bình luận quan trọng về các quy định được đề xuất nhận được từ những người quan tâm.¹³
5. Trong phạm vi có thể, mỗi Bên cần quy định một khoảng thời gian hợp lý kể từ khi công bố các quy định áp dụng chung cuối cùng cho tới ngày có hiệu lực của các quy định đó.
6. Mỗi Bên sẽ bảo đảm các quy tắc áp dụng chung được thông qua hay duy trì bởi các tổ chức được ủy quyền quản lý của một Bên được công bố kịp thời hoặc nếu không cũng tạo điều kiện cho những người quan tâm tiếp cận để làm quen với các quy định đó.
7. Mỗi Bên sẽ duy trì hoặc thành lập các cơ chế thích hợp để phức tạp phản hồi các yêu cầu thắc mắc từ các cá nhân quan tâm về các biện pháp áp dụng chung chịu sự điều chỉnh của Chương này.
8. Các cơ quan quản lý của mỗi Bên phải công khai các yêu cầu, bao gồm các tài liệu cần thiết, để hoàn thành việc nộp đơn liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ tài chính.
9. Khi có yêu cầu của người nộp đơn, cơ quan quản lý của một Bên phải thông báo cho người nộp đơn về tình trạng của hồ sơ. Nếu cơ quan chức năng yêu cầu thêm thông tin từ người nộp đơn, cơ quan đó phải thông báo cho người nộp đơn không để chậm trễ bất hợp lý.
10. Cơ quan quản lý của một Bên phải đưa ra một quyết định hành chính trên cơ sở một bộ hồ sơ hoàn chỉnh về việc cung cấp một dịch vụ tài chính của một nhà đầu tư thuộc một tổ chức tài chính, một tổ chức tài chính, hoặc một nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của một Bên khác trong vòng 120 ngày và phải ngay lập tức thông báo quyết định cho người nộp đơn. Một bộ hồ sơ không được coi là hoàn chỉnh cho đến khi tiến hành được tất cả những trao đổi vướng mắc liên quan và nhận được tất cả

¹³ Để rõ nghĩa hơn, một Bên có thể thông báo về các ý kiến như vậy chung trên một cổng thông tin điện tử chính thức của chính phủ.

các thông tin cần thiết. Nếu không thể đưa ra quyết định trong vòng 120 ngày, cơ quan quản lý phải thông báo cho người nộp đơn không để chậm trễ bất hợp lý và sẽ nỗ lực để đưa ra quyết định trong một thời gian hợp lý sau đó.

11. Khi có yêu cầu của người nộp đơn bị từ chối, cơ quan quản lý đã từ chối đơn, trong phạm vi có thể, sẽ thông báo cho người nộp đơn những lý do từ chối đơn.

Điều 11.14: Các tổ chức tự quản

Nếu một Bên yêu cầu một tổ chức tài chính hoặc một nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của một Bên khác phải là một thành viên của, tham gia vào, hoặc được tiếp cận với một tổ chức được ủy quyền quản lý để cung cấp một dịch vụ tài chính vào hoặc trong lãnh thổ của Bên đó, Bên đó sẽ phải đảm bảo rằng tổ chức tự quản được ủy quyền quản lý tuân theo các nghĩa vụ của Điều 11.3 (Đối xử quốc gia) và 11.4 (Đối xử tối huệ quốc).

Điều 11.15: Các hệ thống thanh toán và bù trừ

Theo các điều khoản và điều kiện phù hợp với nghĩa vụ đối xử quốc gia, mỗi Bên sẽ cho phép các tổ chức tài chính của một Bên khác được thành lập trên lãnh thổ của mình tiếp cận với các hệ thống thanh toán và bù trừ do các tổ chức công vận hành, và tiếp cận với các phương thức tài trợ và tái cấp vốn chính thức có sẵn trong quá trình kinh doanh thông thường. Điều khoản này không nhằm cho phép tiếp cận với công cụ người cho vay cuối cùng của Bên đó.

Điều 11.16: Đẩy nhanh việc cung cấp các Dịch vụ bảo hiểm

Các Bên công nhận tầm quan trọng của việc duy trì và phát triển các thủ tục quản lý để đẩy nhanh việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm của các nhà cung cấp bảo hiểm đã được cấp phép. Các thủ tục này có thể bao gồm: cho phép giới thiệu sản phẩm, trừ khi những sản phẩm không được chấp thuận trong một thời gian hợp lý; không yêu cầu chấp thuận hoặc cấp phép sản phẩm đối với các sản phẩm bảo hiểm khác bán cho cá nhân hoặc bảo hiểm bắt buộc; hoặc không áp đặt những hạn chế về số lượng và tần số giới thiệu sản phẩm. Nếu một Bên duy trì các thủ tục cấp phép quản lý sản phẩm, Bên đó phải nỗ lực duy trì hoặc cải thiện các thủ tục này.

Điều 11.17: Thực hiện các chức năng hỗ trợ khôi sau

1. Các Bên thừa nhận rằng việc thực hiện các chức năng hỗ trợ khôi sau đối với một tổ chức tài chính trên lãnh thổ của mình thông qua trụ sở chính hoặc chi nhánh, hoặc bởi một nhà cung cấp dịch vụ không liên quan, bên trong hoặc bên ngoài lãnh thổ của mình là quan trọng đối với hiệu quả quản lý và hoạt động của tổ chức tài chính đó. Mặc dù một Bên có thể yêu cầu các tổ chức tài chính đảm bảo sự tuân thủ với bất kỳ yêu cầu trong nước nào về các chức năng này, các Bên cũng ghi nhận tầm quan trọng của việc tránh áp đặt các yêu cầu độc đoán về việc thực hiện các chức năng này.

2. Để làm rõ nghĩa hơn, không có quy định nào tại đoạn 1 ngăn một Bên yêu cầu tổ chức tài chính trên lãnh thổ của mình duy trì một chức năng nhất định.

Điều 11.18: Các cam kết cụ thể

Phụ lục 11-B (Các cam kết cụ thể) đưa ra một số cam kết cụ thể của mỗi Bên.

Điều 11.19: Ủy ban về dịch vụ tài chính

1. Các Bên thành lập theo quy định này một Ủy ban về dịch vụ tài chính ("Ủy ban"). Người đại diện chính của mỗi Bên là một quan chức của cơ quan quản lý của Bên đó về các dịch vụ tài chính nêu trong Phụ lục 11-D (Các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về Dịch vụ Tài chính).
2. Ủy ban sẽ:
 - (a) giám sát việc thực hiện Chương này và các điều chỉnh sau này của Chương;
 - (b) xem xét các vấn đề liên quan đến các dịch vụ tài chính được một Bên giao cho Ủy ban quyết định; và
 - (c) tham gia vào các thủ tục giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 11.22 (Các tranh chấp đầu tư về Dịch vụ Tài chính).
3. Ủy ban sẽ họp hàng năm, hoặc trong trường hợp có quyết định khác, để đánh giá hoạt động của Hiệp định này khi áp dụng đối với các dịch vụ tài chính. Ủy ban sẽ thông báo cho Ủy ban hỗn hợp các kết quả của bất kỳ cuộc họp nào.

Điều 11.20: Tham vấn

1. Một Bên có thể yêu cầu tham vấn, bằng văn bản, với một Bên khác về bất kỳ vấn đề nào phát sinh trong khuôn khổ Hiệp định này có tác động đến các dịch vụ tài chính. Bên được yêu cầu tham vấn sẽ xem xét yêu cầu tham vấn đó một cách thỏa đáng. Các Bên tham vấn sẽ báo cáo kết quả tham vấn của họ lên Ủy ban.
2. Đối với các vấn đề liên quan tới các biện pháp không tương thích hiện được một Bên duy trì ở cấp chính quyền khu vực như đã nêu tại Điều 11.10.1(a)(ii) (Các biện pháp không tương thích):
 - (a) Một Bên có thể yêu cầu thông tin về bất kỳ biện pháp không tương thích nào đối với cấp chính quyền khu vực của Bên khác. Mỗi Bên sẽ thiết lập một đầu mối liên lạc để trả lời yêu cầu nêu trên và tạo điều kiện cho việc trao đổi thông tin liên quan đến việc thực hiện các biện pháp được quy định theo yêu cầu đó.
 - (b) Nếu một Bên tin rằng một biện pháp không tương thích được áp dụng bởi cấp chính quyền khu vực của Bên khác tạo ra trở ngại đối với thương mại hoặc đầu tư của một tổ chức tài chính, nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư của một tổ chức tài chính, hoặc một nhà cung cấp dịch vụ tài chính xuyên biên giới, Bên đó có thể yêu cầu tham vấn liên quan tới biện pháp đó. Các Bên sẽ tiến hành tham vấn nhằm trao đổi thông tin về việc thực thi biện pháp này và xem xét liệu các bước tiếp theo có cần thiết và thích hợp hay không.
3. Tham vấn tại Điều này sẽ bao gồm các cán bộ của các cơ quan chức năng quy định tại Phụ lục 11-D (Các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về Dịch vụ Tài chính).
4. Để làm rõ nghĩa hơn, không có quy định nào trong Điều này được hiểu là yêu cầu một Bên làm trái quy định của Bên đó về việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý tài chính hoặc các yêu cầu của một hiệp định hoặc thỏa thuận giữa các cơ quan tài

chính của các Bên, hoặc yêu cầu các cơ quan quản lý thực hiện bất kỳ hành động can thiệp nào liên quan đến các vấn đề quản lý, giám sát, hành chính hoặc thực thi cụ thể.

Điều 11.21: Giải quyết tranh chấp

1. Chương 28 (Giải quyết tranh chấp) áp dụng, theo điều chỉnh của Điều này, để giải quyết các tranh chấp phát sinh theo Chương này.

2. Khi một Bên kháng định có tranh chấp phát sinh theo Chương này, Điều 28.9 (Thành phần Hội đồng trọng tài) sẽ áp dụng, ngoại trừ:

(a) khi các Bên tranh chấp đồng ý, mỗi trọng tài viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn đề ra tại khoản 3; và

(b) trong bất kỳ trường hợp nào khác:

(i) mỗi Bên tranh chấp sẽ lựa chọn các trọng tài viên đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại khoản 3 hoặc Điều 28.10.1 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và các Thành viên Danh sách); và

(ii) nếu Bên bị đơn viện dẫn đến Điều 11.11 (Ngoại lệ), Chủ tịch hội đồng trọng tài sẽ phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại khoản 3, trừ khi các Bên tranh chấp có thoả thuận khác.

3. Ngoài các yêu cầu quy định tại các đoạn (b) đến (d) của Điều 28.10.1 (Trình độ chuyên môn của Trọng tài viên và các Thành viên Danh sách), các trọng tài viên trong các tranh chấp phát sinh trong Chương này sẽ phải có các kiến thức chuyên môn hoặc kinh nghiệm về thực tế cũng như luật liên quan tới dịch vụ tài chính trong đó có thể bao gồm các quy định đối với các tổ chức tài chính.

4. Một Bên có thể yêu cầu thành lập một hội đồng trọng tài theo Điều 11.22.2 (c) (Các tranh chấp đầu tư trong các dịch vụ tài chính) để xem xét liệu và tới mức độ nào Điều 11.11 (Ngoại lệ) là một lý luận biện hộ hợp lý cho yêu cầu bồi thường mà không cần phải yêu cầu tham vấn theo Điều 28.5 (Tham vấn). Hội đồng trọng tài sẽ cố gắng đưa ra báo cáo ban đầu theo Điều 28.17 (Báo cáo Ban đầu) trong vòng 150 ngày sau khi trọng tài cuối cùng được bổ nhiệm.

5. Nếu một Bên tìm cách đình chỉ lợi ích trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, một hội đồng trọng tài được tái nhóm họp về biện pháp đình chỉ lợi ích được đề xuất đó, phù hợp với Điều 28.20.6 (Không thực hiện - Bồi thường và Đình chỉ Lợi ích), sẽ đề nghị các chuyên gia dịch vụ tài chính đưa ra quan điểm của mình, khi cần thiết.

Điều 21.22: Tranh chấp đầu tư trong các dịch vụ tài chính

1. Khi một nhà đầu tư của một Bên nộp đơn kiện lên trọng tài theo Mục B của Chương 9 (Đầu tư) về một biện pháp liên quan đến quản lý hoặc giám sát các thể chế, thị trường hay các công cụ tài chính, thì chuyên môn hoặc kinh nghiệm về pháp luật hoặc thực tiễn dịch vụ tài chính của các ứng cử viên sẽ được xem xét trong việc bổ nhiệm trọng tài viên cho tòa án.

2. Khi một nhà đầu tư của một Bên nộp đơn kiện lên trọng tài theo Mục B của Chương 9 (Đầu tư), và bị đơn viện dẫn Điều 11.11 (Ngoại lệ) để bảo vệ, các quy định sau đây của điều này sẽ được áp dụng.

(a) Bị đơn, không muộn hơn ngày tòa án ấn định để Bên bị đơn nộp bản phản biện, hoặc trong trường hợp có sửa đổi đối với thông báo của trọng tài, ngày tòa án ấn định để Bên bị đơn nộp bản trả lời đối với sửa đổi thông báo, đệ trình bằng văn bản lên cơ quan chức năng về dịch vụ tài chính của Bên nguyên đơn, như quy định tại Phụ lục 11-D (Các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về Dịch vụ tài chính), yêu cầu cho một phán quyết chung bởi các cơ quan chức năng của bị đơn và Bên nguyên đơn về vấn đề có hay không và đến mức độ nào Điều 11.11 (Ngoại lệ) có giá trị viện dẫn để bảo vệ trước đơn kiện. Bị đơn phải kịp thời cung cấp cho tòa án, nếu được thành lập, và các bên không có tranh chấp một bản sao yêu cầu. Trọng tài có thể tiến hành công việc liên quan đến đơn kiện như quy định tại đoạn 4.¹⁴

(b) Các cơ quan chức năng của bị đơn và Bên nguyên đơn sẽ cố gắng một cách thiện ý để đưa ra một phán quyết như mô tả trong điểm (a). Bất kỳ phán quyết nào sẽ được thông báo kịp thời đến các Bên tranh chấp, Ủy ban Dịch vụ tài chính, và tòa án, nếu được thành lập. Phán quyết sẽ có giá trị bắt buộc trước tòa và bất kỳ quyết định hoặc tuyên án nào do tòa án đưa ra phải phù hợp với phán quyết đó.

(c) Nếu các cơ quan chức năng nêu tại điểm (a) và (b) không đưa ra phán quyết trong vòng 120 ngày kể từ ngày đã nhận được yêu cầu bằng văn bản của bị đơn cho một phán quyết theo điểm (a), bị đơn hoặc Bên nguyên đơn có thể yêu cầu thành lập một hội đồng trọng tài theo Chương 28 (Giải quyết tranh chấp) để xem xét có hay không và đến mức độ nào Điều 11.11 (Ngoại lệ) là một lý luận biện hộ hợp lý cho yêu cầu. Hội đồng trọng tài được thành lập theo Điều 28.7 (Thành lập Hội đồng Trọng tài) sẽ được thành lập theo quy định tại Điều 11.21 (Giải quyết tranh chấp). Ngoài quy định tại Điều 28.18 (Báo cáo Cuối cùng), hội đồng trọng tài sẽ chuyển báo cáo cuối cùng của mình cho các Bên tranh chấp và tòa án.

3. Báo cáo cuối cùng của một hội đồng trọng tài nêu tại đoạn 2(c) sẽ có giá trị ràng buộc trước tòa án, và bất kỳ quyết định hoặc tuyên án do tòa án đưa ra phải phù hợp với báo cáo cuối cùng.

4. Khi không có yêu cầu nào về việc thành lập một hội đồng trọng tài được đưa ra theo quy định tại đoạn 2(c) trong vòng 10 ngày sau khoảng thời gian 120 ngày được đề cập đến tại đoạn 2(c), tòa án thành lập theo Điều 9.19 (Trình khiếu kiện ra trọng tài) có thể tiến hành xem xét khiếu nại.

(a) Tòa án sẽ không rút ra kết luận về việc áp dụng Điều 11.11 (Ngoại lệ) vì cơ quan chức năng có thẩm quyền đã không đưa ra một phán quyết như mô tả trong đoạn 2 (a), (b) và (c).

(b) Bên nguyên đơn có thể đệ trình bằng miệng và bằng văn bản lên tòa án về vấn đề có hay không và ở mức độ nào Điều 11.11 (Ngoại lệ) là một lý luận biện hộ hợp lý cho yêu cầu. Nếu không đệ trình, Bên nguyên đơn sẽ bị cho rằng việc có quan điểm liên quan đến Điều 11.11 là không nhất quán với bị đơn vì mục đích của trọng tài.

¹⁴ Đối với mục đích của Điều này, " phán quyết chung" có nghĩa là một quyết định của các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về các dịch vụ tài chính cho bị đơn và cho Bên nguyên đơn, như được nêu trong Phụ lục 11-D (Cơ quan chức năng phụ trách dịch vụ tài chính". Nếu trong vòng mười bốn ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu cho một phán quyết chung, một Bên khác cung cấp một thông báo bằng văn bản cho bị đơn và Bên nguyên đơn cho thấy sự quan tâm đáng kể của bên đó trong các vấn đề này, cơ quan thẩm quyền khác của Bên có trách nhiệm cho các dịch vụ tài chính có thể tham gia vào các cuộc thảo luận về vấn đề này. Phán quyết chung sẽ được thực hiện bởi các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về các dịch vụ tài chính của bị đơn và Bên nguyên đơn.

5. Đối với mục đích của Điều này, các định nghĩa của các từ ngữ dưới đây được nêu trong Điều 9.1 (Định nghĩa) được sửa đổi đưa vào đây: “nguyên đơn”, “các bên tranh chấp”, “bên tranh chấp”, “các bên không có tranh chấp”, “bị đơn”.

Phụ lục Xuyên biên giới

Phụ lục 11-A

Thương mại qua biên giới

Australia

Bảo hiểm và dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:
 - (i) vận tải biển và vận tải hàng không thương mại và phóng tàu và vận tải vũ trụ (kể cả vệ tinh), trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và
 - (ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;
- (b) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm;
- (c) dịch vụ hỗ trợ cho các loại bảo hiểm, trong đó có tư vấn, đánh giá rủi ro, các dịch vụ định phí và giải quyết khiếu nại; và
- (d) trung gian bảo hiểm, trong đó có môi giới và đại lý được nhắc đến trong khoản (c) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa) về bảo hiểm rủi ro liên quan đến các dịch vụ được nêu trong các khoản (a) và (b) của mục này.

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

2. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính, xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa); và
- (b) các dịch vụ tư vấn và các dịch vụ phụ trợ khác, không bao gồm trung gian môi giới liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (p) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

Brunei Darussalam

Bảo hiểm và dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:
 - (i) vận tải biển và vận tải hàng không thương mại và phóng tàu và vận tải vũ trụ (kể cả vệ tinh), trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và
 - (ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;
- (b) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm;
- (c) dịch vụ hỗ trợ cho các loại bảo hiểm, trong đó có tư vấn, đánh giá rủi ro, các dịch vụ định phí và giải quyết khiếu nại; và

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

2. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với:

- (a) việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính; và
- (b) việc cung cấp và chuyển xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

Bảo hiểm và dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:
 - (i) vận tải biển và vận tải hàng không thương mại và phóng tàu và vận tải vũ trụ (kể cả vệ tinh), trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và
 - (ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;
- (b) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm;
- (c) dịch vụ hỗ trợ cho các loại bảo hiểm, được mô tả trong khoản (d) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa); và
- (d) trung gian bảo hiểm, trong đó có môi giới và đại lý được nhắc đến trong khoản (c) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa) về bảo hiểm rủi ro liên quan đến các dịch vụ được nêu trong các khoản (a) và (b) của mục này.

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

2. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính, xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa); và
- (b) các dịch vụ tư vấn và các dịch vụ phụ trợ khác, phân tích và tham khảo tín dụng, không bao gồm trung gian môi giới liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (p) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

¹⁵ Để làm rõ hơn, Canada yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới duy trì đại lý trong nước và các hồ sơ tại Canada.

Chile

Bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Đối với Chile, Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:
 - (i) vận tải biển quốc tế và vận tải hàng không thương mại quốc tế và phóng tàu và vận tải vũ trụ (kể cả vệ tinh), trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và
 - (ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;
- (b) môi giới bảo hiểm rủi ro liên quan đến khoản (a)(i) và (a)(ii); và
- (c) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm; môi giới tái bảo hiểm; và tư vấn, định phí và đánh giá rủi ro.

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

2. Đối với Chile, Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới). áp dụng đối với:

- (a) việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính được miêu tả trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa);
- (b) xử lý dữ liệu tài chính được miêu tả trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa), tùy thuộc việc cấp phép trước từ cơ quan quản lý liên quan theo yêu cầu¹⁶; và
- (c) các dịch vụ tư vấn và các dịch vụ tài chính phụ trợ khác, không bao gồm trung gian và phân tích và tham khảo tín dụng, liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (p) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

3. Được hiểu rằng cam kết của một Bên về dịch vụ tư vấn đầu tư qua biên giới không được xem là yêu cầu Bên đó phải cho phép các nhà cung cấp qua biên giới của Bên khác đang cung cấp hoặc tìm cơ hội cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện chào bán chứng khoán công khai (được quy định theo luật liên quan của Bên đó) trên lãnh thổ của Bên đó. Một Bên có thể bắt buộc các nhà cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư qua biên giới tuân thủ yêu cầu về quản lý và đăng ký.

¹⁶ Các Bên hiểu rằng nếu việc xử lý thông tin tài chính hoặc dữ liệu tài chính tham chiếu trong khoản (a) và (b) liên quan đến dữ liệu cá nhân, việc xử lý dữ liệu cá nhân này phải tuân theo luật Chile điều chỉnh về việc bảo mật các dữ liệu.

Nhật Bản

Bảo hiểm và dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:
 - (i) vận tải biển và vận tải hàng không thương mại và phóng tàu và vận tải vũ trụ (kể cả vệ tinh), trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và
 - (ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;
- (b) tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ cho bảo hiểm được nhắc đến trong khoản (d) của định nghĩa về dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa); và
 - (a) trung gian bảo hiểm, trong đó có môi giới và đại lý được nhắc đến trong khoản (c) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa) về bảo hiểm rủi ro liên quan đến các dịch vụ được nêu trong các khoản (a) và (b) của mục này.¹⁷

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

2. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) các giao dịch liên quan đến chứng khoán với các tổ chức tài chính và thể nhân khác tại Nhật Bản được quy định bởi luật và các quy định của Nhật Bản;
- (b) việc bán giấy chứng nhận người thụ hưởng của quỹ đầu tư tín thác và chứng khoán đầu tư thông qua các công ty chứng khoán tại Nhật Bản;¹⁸
- (c) việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính, xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan được nhắc đến trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa); và
- (d) các dịch vụ tư vấn và các dịch vụ phụ trợ khác, không bao gồm trung gian liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được

¹⁷ Dịch vụ trung gian bảo hiểm chỉ được cung cấp đối với các hợp đồng bảo hiểm được phép cung cấp tại Nhật Bản.

¹⁸ Dịch vụ tư vấn phải được các công ty chứng khoán tại Nhật Bản thực hiện.

nhắc đến trong khoản (p) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

Malaysia

Bảo hiểm và dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

(a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:

(i) vận tải biển và vận tải hàng không thương mại và phóng tàu và vận tải vũ trụ (kể cả vệ tinh), trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và

(ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;

(b) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm, dịch vụ hỗ trợ cho các loại bảo hiểm, trong đó có dịch vụ tư vấn, đánh giá rủi ro định phí, quản lý rủi ro và tính toán tổn thất hàng hải; và các dịch vụ môi giới về các rủi ro liên quan đến khoản (a) của mục này.

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

2. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính, xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan được nhắc đến trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

3. Cam kết của Malaysia ở đoạn 2 không áp dụng với việc cung cấp các dịch vụ thanh toán điện tử đối với các giao dịch thẻ thanh toán¹⁹.

¹⁹ Để làm rõ hơn, các dịch vụ thanh toán điện tử cho các giao dịch thẻ thanh toán được đề cập trong cam kết này thuộc tiêu mục 71593 của Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm của Liên Hiệp Quốc, phiên bản 2.0, và chỉ bao gồm quy trình xử lý các giao dịch tài chính như kiểm tra số dư tài chính, cấp phép các giao dịch, thông báo của các ngân hàng (hoặc bên phát hành thẻ tín dụng) về các giao dịch cá nhân và cung cấp bản kê hàng ngày và hướng dẫn về tình hình tài chính ròng của các tổ chức liên quan đối với các giao dịch được cấp phép.

Mexico

Bảo hiểm và dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:
 - (i) vận tải biển và vận tải hàng không thương mại và phóng tàu và vận tải vũ trụ (kể cả vệ tinh), trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và
 - (ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;
- (b) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm;
- (c) tư vấn, các dịch vụ định phí và đánh giá rủi ro liên quan đến khoản (a) và (b); và
- (d) môi giới bảo hiểm rủi ro liên quan các khoản (a) và (b).

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

2. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với:

- (a) việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính, xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan được nhắc đến trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa), tùy thuộc vào việc cấp phép trước của cơ quan quản lý liên quan, nếu được yêu cầu;²⁰ và
- (b) các dịch vụ tư vấn và các dịch vụ phụ trợ khác,²¹ không bao gồm trung gian, và phân tích và tham khảo tín dụng liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (p) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

²⁰ Các Bên hiểu rằng nếu thông tin tài chính hoặc quy trình xử lý dữ liệu tài chính được nhắc đến trong khoản (a) và (b) liên quan đến dữ liệu cá nhân, việc xử lý dữ liệu cá nhân này phải tuân theo luật Mexico về bảo vệ dữ liệu này.

²¹ Các Bên hiểu rằng các dịch vụ tư vấn và các dịch vụ tài chính bổ trợ khác không bao gồm các dịch vụ được nhắc đến trong từ khoản (e) đến (o) của định nghĩa về dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

New Zealand

Bảo hiểm và dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:
 - (i) vận tải biển và vận tải hàng không thương mại và phóng tàu và vận tải vũ trụ (kể cả vệ tinh), trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và
 - (ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;
- (b) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được nhắc đến trong khoản (b) của định nghĩa về dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa);
- (c) dịch vụ hỗ trợ cho các loại bảo hiểm được nhắc đến trong khoản (d) của định nghĩa về dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa); và
- (d) trung gian bảo hiểm, trong đó có môi giới và đại lý được nhắc đến trong khoản (c) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa) về bảo hiểm rủi ro liên quan đến các dịch vụ được nêu trong các khoản (a) và (b) của mục này.

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

2. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính, xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan, được nhắc đến trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa); và
- (b) các dịch vụ tư vấn và các dịch vụ phụ trợ khác, không bao gồm trung gian môi giới liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (p) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

Bảo hiểm và dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:
 - (i) vận tải biển và vận tải hàng không thương mại và phóng tàu và vận tải vũ trụ (kể cả vệ tinh), trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và
 - (ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;
- (b) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm;
- (c) tư vấn, định phí, đánh giá rủi ro, và các dịch vụ giải quyết khiếu nại; và
- (d) trung gian bảo hiểm, trong đó có môi giới và đại lý được nhắc đến trong khoản (c) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa) về bảo hiểm rủi ro liên quan đến các dịch vụ được nêu trong các khoản (a) và (b).

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

2. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) chỉ áp dụng đối với việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính, xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan được nhắc đến trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1²³ (Định nghĩa), tùy thuộc vào việc cấp phép trước đó của cơ quan quản lý liên quan, nếu được yêu cầu, và dịch vụ tư vấn và các dịch vụ phụ trợ khác²⁴, không bao gồm trung gian môi giới liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (p) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1²⁵ (Định nghĩa).

²² Peru bảo lưu quyền áp dụng phụ lục này theo các điều kiện nhân nhượng lẫn nhau.

²³ Các bên hiểu rằng nếu thông tin tài chính hoặc quy trình xử lý dữ liệu tài chính được nhắc đến trong đoạn 2 của Phụ lục này liên quan đến dữ liệu cá nhân, việc xử lý các dữ liệu cá nhân này phải tuân theo luật của Peru về bảo vệ các dữ liệu này và Mục B của Phụ lục 11-B (Các cam kết cụ thể).

²⁴ Các Bên hiểu rằng dịch vụ tư vấn và các dịch vụ tài chính hỗ trợ khác không bao gồm các dịch vụ được nhắc đến trong từ các khoản (e) đến (o) của định nghĩa về dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

²⁵ Các Bên hiểu rằng giao dịch trên sàn, dù là hữu hình hay điện tử, không thuộc phạm vi dịch vụ quy định trong đoạn này.

Singapore

Bảo hiểm và dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:
 - (i) vận tải biển và vận tải hàng không thương mại và phóng tàu và vận tải vũ trụ (kể cả vệ tinh), trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và
 - (ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;
- (b) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm; và
- (c) dịch vụ hỗ trợ cho các loại bảo hiểm, trong đó có dịch vụ định phí, tính toán tổn thất, tư vấn.
- (d) trung gian bảo hiểm tái bảo hiểm qua môi giới; và
- (e) trung gian MAT qua môi giới.

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

2. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính, được mô tả trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa); và
- (b) xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan được mô tả trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa), tùy thuộc vào việc cấp phép trước của cơ quan quản lý liên quan, nếu được yêu cầu.²⁶

²⁶ Để làm rõ hơn, nếu thông tin tài chính hoặc quy trình xử lý dữ liệu tài chính được nhắc đến trong các khoản (a) và (b) liên quan đến các hoạt động thuê ngoài hoặc dữ liệu cá nhân, việc thu xếp hoạt động thuê ngoài và xử lý dữ liệu cá nhân phải tuân theo các yêu cầu và hướng dẫn quản lý của Cơ quan Quản lý Tiền tệ Singapore về thuê ngoài và luật của Singapore về bảo vệ các dữ liệu này. Các yêu cầu và hướng dẫn quản lý không ảnh hưởng đến việc Singapore thực hiện các cam kết trong đoạn 2 và Mục B của Phụ lục 11-B.

Hoa Kỳ

Bảo hiểm và dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

(a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:

(i) vận tải biển và vận tải hàng không thương mại và phóng tàu và vận tải vũ trụ (kể cả vệ tinh), trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và

(ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;

(b) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm, các dịch vụ hỗ trợ cho các loại bảo hiểm được nhắc đến trong khoản (d) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa), và trung gian bảo hiểm, trong đó có môi giới và đại lý được nhắc đến trong khoản (c) của định nghĩa dịch vụ tài chính.

2. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (c) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với các dịch vụ bảo hiểm.

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

3. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) chỉ áp dụng đối với:

(a) việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính, xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa); và

(b) các dịch vụ tư vấn và các dịch vụ phụ trợ khác, không bao gồm trung gian môi giới liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (p) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

Việt Nam

Bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm

1. Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) bảo hiểm rủi ro liên quan đến:
 - (i) vận tải biển quốc tế và vận tải hàng không thương mại quốc tế, trong đó bảo hiểm cho bất kỳ hoặc toàn bộ các đối tượng sau đây: hàng hóa được vận tải, phương tiện vận chuyển hàng hóa, và mọi liên đới trách nhiệm phát sinh từ đó; và
 - (ii) hàng hóa đang vận chuyển quá cảnh quốc tế;
- (b) tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm; và
- (c) dịch vụ môi giới và dịch vụ hỗ trợ cho bảo hiểm được nhắc đến trong khoản (d) của định nghĩa về dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa).

Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác (không bao gồm bảo hiểm)

2. Đối với Việt Nam, Điều 11.6.1 (Thương mại qua biên giới). (Thương mại qua biên giới) áp dụng đối với việc cung cấp hoặc thương mại qua biên giới các dịch vụ tài chính được định nghĩa trong khoản (a) của định nghĩa về cung cấp các dịch vụ tài chính qua biên giới trong Điều 11.1 (Định nghĩa) đối với:

- (a) việc cung cấp và chuyển thông tin tài chính, xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan được nhắc đến trong khoản (o) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa), tùy thuộc việc cấp phép trước từ cơ quan quản lý liên quan theo yêu cầu²⁷; và
- (b) các dịch vụ tư vấn và các dịch vụ phụ trợ khác, không bao gồm trung gian liên quan đến dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được nhắc đến trong khoản (p) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa), trong trường hợp các dịch vụ này được Việt Nam cho phép thực hiện trong tương lai.

²⁷ Các Bên hiểu rằng nếu việc xử lý thông tin tài chính hoặc dữ liệu tài chính tham chiếu trong khoản (a) liên quan đến dữ liệu cá nhân, việc xử lý dữ liệu cá nhân này phải tuân theo luật Việt Nam điều chỉnh về việc bảo mật các dữ liệu.

Phụ lục 11-B

Cam kết cụ thể

Mục A: QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

1. Một Bên cho phép một tổ chức tài chính thành lập trong lãnh thổ của một Bên khác được cung cấp các dịch vụ sau cho một quỹ đầu tư tập thể nằm trong lãnh thổ của Bên đó²⁸:

(a) tư vấn đầu tư; và

(b) các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, không bao gồm:

(i) các dịch vụ ngân hàng giám sát; và

(ii) các dịch vụ ngân hàng lưu ký và thực hiện các dịch vụ phụ trợ không liên quan đến quản lý một quỹ đầu tư tập thể.

2. Khoản 1 chịu sự điều chỉnh theo Điều 11.6.3 (Thương mại xuyên biên giới).

3. Đối với mục đích của đoạn 1, quỹ đầu tư tập thể có nghĩa là:

(a) Đối với Úc, một quỹ đầu tư được quản lý theo quy định tại mục 9 của các Luật Các tập đoàn 2001 (Cth), không phải là một quỹ đầu tư được quản lý hoạt động trái với tiêu mục 601ED (5) của Luật Các Tập đoàn 2001 (Cth), hoặc một tổ chức:

(i) thực hiện hoạt động kinh doanh bằng cách đầu tư vào chứng khoán, vào lợi tức từ đất, hoặc các loại hình đầu tư khác; và

(ii) đang trong quá trình tiến hành kinh doanh, đầu tư vốn được đăng ký, trực tiếp hoặc gián tiếp, sau một đợt chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng hoặc sau một đợt mời chào góp vốn (trong khuôn khổ định nghĩa của phần 82 của Luật Công ty 2001 (Cth)) theo đó có điều khoản rằng vốn được đăng ký sẽ được đem đầu tư.

(b) Đối với Brunei Darussalam,

(i) một quỹ đầu tư tập thể được định nghĩa tại phần 203, Pháp lệnh về thị trường chứng khoán năm 2013 là các thỏa thuận đầu tư liên quan đến bất kỳ tài sản nào được mô tả, trong đó có tiền, mà mục đích hoặc tác dụng của các thỏa thuận đó là để cho phép người tham gia vào các thỏa thuận này (bằng cách trở thành chủ sở hữu tài sản hoặc sở hữu một phần tài sản hoặc bằng cách khác) tham gia hoặc nhận lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh từ việc mua, nắm giữ, quản lý hoặc bán tài sản hoặc tiền thanh toán từ lợi nhuận hoặc thu nhập đó.

(ii) Các thỏa thuận đầu tư này phải có đặc điểm sau:

(A) người tham gia vào thỏa thuận ("người tham gia") không kiểm soát hàng ngày đối với việc quản lý tài sản, cho dù họ có hay không có quyền được tư vấn hoặc đưa ra định hướng;

²⁸ Để rõ hơn, một Bên có thể yêu cầu quỹ đầu tư tập thể hoặc một người của một Bên có liên quan đến việc vận hành cơ chế đầu tư chung nằm trong lãnh thổ của Bên mình phải trách nhiệm cuối cùng đối với việc quản lý cơ chế đầu tư chung đó.

(B) các thỏa thuận đầu tư này phải có một trong hai hoặc cả hai đặc điểm sau đây:

(1) các khoản đóng góp của các thành viên tham gia và lợi nhuận hoặc thu nhập mà khoản thanh toán được chi trả từ các khoản đó;

(2) tài sản được quản lý hoàn toàn, bởi hoặc thay mặt cho một nhà vận hành hay nhà quản lý quỹ đầu tư tập thể; và

(C) các thỏa thuận đầu tư phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản (iii)

(iii) Điều kiện mà khoản (ii)(B) dẫn chiếu tới là tài sản nêu trên thuộc quyền sở hữu hưởng lợi, và được quản lý bởi hoặc nhân danh một công ty, một người ủy thác của một khoản ủy thác đầu tư hoặc bất kỳ một định chế hay một thỏa thuận khác có mục đích đầu tư vốn nhằm đa dạng hóa rủi ro đầu tư và mang lại lợi nhuận cho các thành viên góp vốn từ kết quả của việc quản lý các khoản vốn đó cho hoặc thay mặt cho công ty, cho khoản ủy thác đầu tư, cho định chế hoặc cho thỏa thuận kể trên.

(c) Đối với Canada, một "quỹ đầu tư" định nghĩa tại Luật Chứng khoán hiện hành²⁹.

(d) Đối với Chile, một Quỹ đầu tư tập thể có quản lý (Administradora General de Fondos) như định nghĩa trong Luật 20.712 thuộc đối tượng chịu sự giám sát của Cơ quan giám sát Chứng khoán và Bảo hiểm (Superintendencia de Valores y Seguros); không bao gồm việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng lưu ký để quản lý một quỹ đầu tư tập thể.

(e) Đối với Nhật Bản, một nhà vận hành doanh nghiệp kinh doanh công cụ tài chính tham gia vào kinh doanh quản lý đầu tư theo quy định của Luật Công cụ tài chính và giao dịch (Luật số 25 năm 1948).

(f) Đối với Malaysia, bất kỳ thỏa thuận nào mà:

(i) Việc đầu tư được thực hiện nhằm mục đích, hoặc có tác dụng, việc cung cấp phương tiện cho cá nhân hay tổ chức để tham gia vào hoặc nhận lợi nhuận hay thu nhập phát sinh từ việc mua, nắm giữ, quản lý hoặc bán chứng khoán, hợp đồng tương lai hoặc bất kỳ tài sản nào khác (được gọi là "tài sản của quỹ") hoặc các khoản tiền được thanh toán cho lợi nhuận hoặc thu nhập kể trên;

(ii) Những người tham gia vào các thỏa thuận đầu tư không quản lý các tài sản của Quỹ hàng ngày; và

(iii) Các tài sản của quỹ được quản lý bởi một định chế chịu trách nhiệm quản lý tài sản của quỹ, được sự cho phép, ủy quyền, hoặc cấp phép bởi một cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện các hoạt động quản lý quỹ,

và trong đó bao gồm các quỹ tín thác đầu tư, các quỹ đầu tư bất động sản (REIT), các quỹ giao dịch hoán đổi (ETF), các quỹ đầu tư hạn chế và quỹ đóng.

²⁹ Tại Canada, một tổ chức tài chính được tổ chức thành lập trong lãnh thổ của một Bên khác chỉ được cung cấp dịch vụ ngân hàng lưu ký cho một quỹ đầu tư tập thể tại Canada nếu tổ chức tài chính đó có vốn chủ sở hữu tối thiểu 100 triệu đô la.

(g) Đối với Mexico, quỹ đầu tư tập thể có nghĩa là, các Công ty Quản lý của Các Công ty Đầu tư được thành lập tại Mexico theo Luật Công ty Đầu tư (Ley de Sociedades de Inversión) và các Công ty Đầu tư Chuyên biệt vào các Quỹ Hữu trí được thành lập theo Luật Hệ thống Tiết kiệm Hưu trí (Ley de los Sistemas de Ahorro para el Retiro). Một tổ chức tài chính được thành lập trong lãnh thổ của một Bên khác chỉ được phép cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho một quỹ đầu tư tập thể đặt trụ sở tại Mexico nếu tổ chức đó cung cấp dịch vụ tương tự trong lãnh thổ của Bên mà tổ chức đó thành lập.

(h) Đối với New Zealand, ‘một Quỹ đăng ký’ được định nghĩa theo Đạo Luật Thị trường Tài chính 2013³⁰.

(i) Đối với Peru,

(i) các quỹ tương hỗ đầu tư vào chứng khoán, theo văn bản hợp nhất (Texto Unico Ordenado) được phê duyệt bởi Nghị định Tối cao số 093-2002-EF (Decreto Supremo N° 093-2002-EF); hoặc

(ii) các quỹ đầu tư, theo Nghị định Lập pháp số 862 (Decreto Legislativo N° 862).

(j) Đối với Singapore, một quỹ đầu tư tập thể theo quy định tại Luật Chứng khoán và Hợp đồng tương lai (Cap. 289), và bao gồm công ty quản lý quỹ của quỹ đó, với điều kiện là các tổ chức tài chính trong đoạn 1 được ủy quyền hoặc quản lý như một nhà quản lý quỹ đầu tư tại các lãnh thổ của Bên được tổ chức và không phải là một công ty tín thác.

(k) Đối với Hoa Kỳ, một công ty đầu tư đăng ký với Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch Chứng khoán theo Đạo luật Công ty Đầu tư năm 1940.³¹

(l) tại Việt Nam, một công ty quản lý quỹ thành lập, hoạt động theo Luật Chứng khoán của Việt Nam và chịu sự quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam, trong trường hợp các dịch vụ được nêu tại đoạn 1 được cung cấp để quản lý một quỹ đầu tư đầu tư vào các tài sản nằm bên ngoài Việt Nam.

Mục B: CHUYỂN THÔNG TIN

Mỗi Bên cho phép một tổ chức tài chính của một Bên khác chuyển thông tin dưới dạng điện tử hoặc hình thức khác, vào và ra khỏi lãnh thổ của mình, để xử lý dữ liệu, nếu điều này là cần thiết trong quá trình kinh doanh thông thường của tổ chức. Không có gì trong đoạn này hạn chế quyền của một Bên áp dụng hoặc duy trì các biện pháp:

(a) để bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật cá nhân và bảo mật các hồ sơ và tài khoản cá nhân; hoặc

(b) để yêu cầu một tổ chức tài chính phải được sự chấp thuận trước từ cơ quan quản lý phù hợp để chỉ định một doanh nghiệp cụ thể được phép nhận những thông tin này, dựa trên các xem xét về an toàn thận trọng,³²

³⁰ Dịch vụ lưu ký thuộc phạm vi cam kết cụ thể của New Zealand theo phụ lục này chỉ liên quan đến các khoản đầu tư đối với thị trường sơ cấp nằm ngoài lãnh thổ của Bên đó.

³¹ Dịch vụ lưu ký thuộc phạm vi cam kết cụ thể của Hoa Kỳ theo phụ lục này chỉ liên quan đến các khoản đầu tư đối với thị trường sơ cấp nằm ngoài lãnh thổ của Bên đó.

³² Để làm rõ nghĩa hơn, yêu cầu này không ảnh hưởng đến các công cụ an toàn thận trọng khác.

với điều kiện là quyền này không được sử dụng như một phương tiện tránh thực hiện các cam kết, nghĩa vụ của một Bên theo Mục B.

Mục C: CUNG CẤP BẢO HIỂM BỞI CÁC ĐƠN VỊ BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

1. Mục này quy định các nguyên tắc bổ sung được áp dụng nếu một Bên cho phép đơn vị bảo hiểm bưu điện bảo hiểm và cung cấp các dịch vụ bảo hiểm trực tiếp cho công chúng. Các dịch vụ được điều chỉnh trong mục này không bao gồm cung cấp bảo hiểm liên quan đến việc thu thập, vận chuyển và giao thư hoặc kiện hàng do đơn vị bảo hiểm bưu điện của một Bên thực hiện.

2. Không Bên nào được áp dụng hoặc duy trì biện pháp tạo điều kiện cạnh tranh cho một đơn vị bảo hiểm bưu điện trong việc cung cấp các dịch vụ bảo hiểm được mô tả trong đoạn 1 thuận lợi hơn so với một nhà cung cấp tư nhân cung cấp các dịch vụ bảo hiểm tương tự trên thị trường của mình, bao gồm bằng cách:

- (a) áp đặt các điều kiện cấp phép đối với nhà cung cấp tư nhân cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phức tạp hơn các điều kiện mà Bên đó áp đặt đối với đơn vị bảo hiểm bưu điện cung cấp các dịch vụ tương tự; hoặc
- (b) lập một kênh phân phối bán các dịch vụ bảo hiểm cho một đơn vị bảo hiểm bưu điện theo các điều kiện thuận lợi hơn các điều kiện áp dụng đối với các nhà cung cấp tư nhân cung cấp các dịch vụ tương tự.

3. Về việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm của một đơn vị bảo hiểm bưu điện được mô tả trong mục 1, một Bên áp dụng các quy định và thi hành luật như áp dụng đối với việc cung cấp các dịch vụ bảo hiểm tương tự của các nhà cung cấp tư nhân.

4. Trong khi thực hiện các nghĩa vụ của mình theo đoạn 3, một Bên yêu cầu đơn vị bảo hiểm bưu điện cung cấp các dịch vụ bảo hiểm mô tả trong đoạn 1 công bố báo cáo tài chính hàng năm về việc cung cấp các dịch vụ này. Báo cáo sẽ cung cấp chi tiết và đáp ứng tiêu chuẩn kiểm toán cần thiết theo các nguyên tắc kế toán và kiểm toán được chấp nhận chung, hoặc các quy tắc tương đương áp dụng trong lãnh thổ của Bên đó đối với các doanh nghiệp tư nhân hoạt động rộng rãi cung cấp các dịch vụ tương tự.

5. Nếu một tòa trọng tài theo Chương BBB (Giải quyết tranh chấp) phán quyết rằng một Bên đang duy trì các biện pháp không phù hợp với bất kỳ cam kết từ đoạn 2 đến 4, Bên đó phải thông báo cho các Bên khiếu nại và tạo cơ hội để tham vấn trước khi cho phép đơn vị bảo hiểm bưu điện:

- (a) đưa ra một sản phẩm bảo hiểm mới, hoặc thay đổi sản phẩm hiện có theo cách thức tương đương với việc tạo ra một sản phẩm mới, cạnh tranh với các sản phẩm bảo hiểm tương tự được một nhà cung cấp tư nhân cung cấp trên thị trường của Bên đó; hoặc
- (b) tăng bất kỳ hoặc toàn bộ giới hạn về giá trị bảo hiểm, hoặc bất kỳ loại hình sản phẩm bảo hiểm mà đơn vị có thể bán cho một người có hợp đồng bảo hiểm.

6. Mục này không áp dụng đối với đơn vị bảo hiểm bưu điện trên lãnh thổ của một Bên:

- (a) mà Bên đó hoặc không sở hữu hoặc không kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, miễn là Bên đó không duy trì bất kỳ ưu đãi làm thay đổi điều kiện

cuối cùng là cạnh tranh của đơn vị bảo hiểm bưu điện trong việc cung cấp các dịch vụ bảo hiểm có lợi hơn so với nhà cung cấp tư nhân cung cấp các dịch vụ bảo hiểm tương tự trên thị trường của mình; hoặc

- (b) nếu doanh thu bảo hiểm gốc hoặc bảo hiểm phi nhân thọ của đơn vị bảo hiểm bưu điện chiếm không quá mười phần trăm tổng thu nhập phí bảo hiểm hàng năm trong phân ngành liên quan của thị trường Bên đó tính đến ngày 1/1/2013.

7. Nếu đơn vị bảo hiểm bưu điện trên lãnh thổ của một Bên vượt quá ngưỡng phần trăm được nêu trong đoạn 6(b) sau ngày Bên đó ký Hiệp định, Bên đó đảm bảo đơn vị bảo hiểm bưu điện:

- (a) chịu sự quản lý và tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý và thi hành luật về cung cấp các dịch vụ bảo hiểm của các nhà cung cấp tư nhân; và
- (b) tuân thủ yêu cầu báo cáo tài chính áp dụng đối với các định chế tài chính cung cấp các dịch vụ bảo hiểm.

8. Đối với Mục này, đơn vị bảo hiểm bưu điện có nghĩa là đơn vị bảo hiểm và bán bảo hiểm cho công chúng và do một đơn vị bưu điện của một bên sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp.

MỤC D: CÁC DỊCH VỤ THẺ THANH TOÁN ĐIỆN TỬ

1. Một Bên cho phép người của một Bên khác cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử cho các giao dịch thẻ thanh toán³³ vào lãnh thổ của mình từ lãnh thổ của Bên khác. Một Bên có thể đặt ra một hoặc nhiều yêu cầu như sau đối với việc cung cấp các dịch vụ thanh toán điện tử qua biên giới, theo đó nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác phải:

- (a) đăng ký hoặc được cơ quan có thẩm quyền liên quan cấp phép³⁴;
- (b) là nhà cung cấp các dịch vụ này trên lãnh thổ của Bên khác; hoặc
- (c) ủy quyền cho một văn phòng đại lý hoặc duy trì văn phòng đại diện hoặc văn phòng bán hàng tại lãnh thổ của Bên đó,

Miễn là các yêu cầu này không được sử dụng như công cụ nhằm tránh thực hiện nghĩa vụ của một Bên theo Phụ lục này.

2. Đối với Mục này, các dịch vụ thanh toán điện tử đối với các giao dịch thẻ thanh toán không bao gồm việc chuyển tiền đến hoặc từ tài khoản của người giao dịch. Ngoài ra, các dịch vụ thanh toán điện tử đối với các giao dịch thẻ thanh toán chỉ bao

³³ Để rõ nghĩa hơn, các dịch vụ thanh toán điện tử cho các giao dịch thẻ thanh toán được đề cập trong cam kết này thuộc khoản (h) của định nghĩa dịch vụ tài chính tại Điều 11.1 (Định nghĩa), và trong tiểu mục 71593 của Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm của Liên Hiệp Quốc, phiên bản 2.0, và chỉ bao gồm quy trình xử lý các giao dịch tài chính như kiểm tra số dư tài chính, cấp phép các giao dịch, thông báo của các ngân hàng (hoặc bên phát hành thẻ tín dụng) về các giao dịch cá nhân và cung cấp bản kê hàng ngày và hướng dẫn về tình hình tài chính ròng của các tổ chức liên quan đối với các giao dịch được cấp phép.

³⁴ Việc đăng ký, cấp phép và hoạt động tiếp diễn, đối với các nhà cung cấp mới hoặc đang hoạt động có thể được quy định, ví dụ, (i) về hợp tác giám sát với cơ quan giám sát nước sở tại; và (ii) nhà cung cấp bằng cách thức kịp thời tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý tài chính liên quan của một Bên có thể kiểm tra, bao gồm thanh tra tại chỗ, các hệ thống, phần cứng, phần mềm, và hồ sơ đặc biệt liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ thanh toán điện tử qua biên giới của nhà cung cấp đó vào lãnh thổ của Bên đó.

gồm các dịch vụ mạng thanh toán mà sử dụng các mạng thích hợp để xử lý các giao dịch thanh toán. Các dịch vụ này được cung cấp trên cơ sở giữa các doanh nghiệp.

3. Không quy định nào trong mục này được hiểu nhằm ngăn cản một Bên thực hiện hoặc duy trì các biện pháp cho mục đích chính sách công, miễn là các biện pháp này không được sử dụng như cách thức để tránh thực hiện nghĩa vụ của một Bên theo Phụ lục này.

Để làm rõ hơn, các biện pháp này có thể bao gồm:

- (a) các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật cá nhân và bảo mật các báo cáo, giao dịch và tài khoản cá nhân ví dụ như hạn chế việc thu thập bởi hoặc chuyển thông tin về tên chủ thẻ đến các nhà cung cấp dịch vụ qua biên giới của Bên khác;
- (b) quản lý phí, bao gồm phí chuyển mạch và chuyển đổi; và
- (c) áp đặt mức phí do cơ quan có thẩm quyền của một Bên xác định, ví dụ như các khoản phí để chi trả các khoản chi phí liên quan đến giám sát và quản lý hoặc để tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng hệ thống thanh toán của một Bên.

4. Đối với Mục này, thẻ thanh toán có nghĩa là]:

(a) Đối với Australia, thẻ tín dụng, thẻ lệ phí, thẻ ghi nợ, thẻ séc, thẻ rút tiền tự động (ATM), thẻ trả trước, và các sản phẩm hoặc dịch vụ hữu hình hoặc điện tử để thực hiện chức năng tương tự như các loại thẻ này và số tài khoản duy nhất đi cùng thẻ, sản phẩm hoặc dịch vụ đó;]

(b) Đối với Brunei Darussalam, theo luật và quy định trong nước, công cụ thanh toán bằng hình thức hữu hình hoặc điện tử giúp một người có tiền, hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc để thanh toán, bao gồm thẻ tín dụng, thẻ lệ phí, thẻ ghi nợ, séc, thẻ rút tiền tự động (ATM), thẻ trả trước hoặc các công cụ khác được sử dụng rộng rãi để thực hiện chức năng tương tự.

(c) Đối với Canada, thẻ thanh toán được định nghĩa theo Luật mạng lưới thẻ thanh toán ngày 1/1/2015.

Để làm rõ hơn, cả hai hình thức hữu hình và điện tử của thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ được đưa vào trong định nghĩa. Để làm rõ hơn, thẻ tín dụng bao gồm thẻ trả trước.

(d) Đối với Chile, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ và thẻ trả trước bằng hình thức hữu hình hoặc điện tử, được định nghĩa theo luật của Chile,

(d.i) Về các thẻ thanh toán này, thay cho phạm vi dịch vụ thanh toán điện tử qua biên giới được nêu trong cam kết này, chỉ có các dịch vụ tài chính qua biên giới dưới đây được cung cấp:

(A) nhận và gửi tin nhắn giữa bên thu và bên phát hành hoặc đại lý và đại diện của các bên thông qua các kênh thông tin hoặc điện tử để: yêu cầu cấp phép, hỏi đáp cấp phép (chấp nhận hoặc từ chối), cấp phép thay thế, điều chỉnh, hoàn tiền, trả lại hàng, tra soát, đòi bồi hoàn, và các tin nhắn hành chính liên quan,

(B) tính toán khoản phí và số dư phát sinh từ các giao dịch của bên phát hành và bên thu bằng các phương tiện của hệ thống tự động hoá hoặc máy tính hoá, và nhận và gửi tin nhắn liên quan đến quy

trình này tới bên thu và bên phát hành và đại lý và đại diện của các bên này, với điều kiện các tính toán này phụ thuộc vào việc phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận của bên thu và bên phát hành có liên quan.

(C) cung cấp bản đối chiếu định kỳ, tóm tắt và hướng dẫn về tình hình tài chính của bên nhận và bên phát hành và đại lý và đại diện của các bên đối với các giao dịch được thông qua, và

(D) các dịch vụ gia tăng giá trị liên quan đến các hoạt động xử lý chính trong các khoản (d)(i)(A), (d)(i)(B), và (d)(i)(C), ví dụ như các hành động giảm thiểu và ngăn chặn gian lận, và quản lý các chương trình khách hàng thân thiết.

Các dịch vụ qua biên giới này chỉ được phép cung cấp bởi bên cung cấp dịch vụ của Bên khác vào lãnh thổ của Mexico theo cam kết này, miễn là các dịch vụ này được cung cấp cho các thể nhân được quản lý bởi Mexico liên quan đến việc tham gia trong mạng lưới thanh toán thẻ và chịu trách nhiệm đối với các dịch vụ này, bằng hợp đồng.

(d.ii) Không có quy định nào trong cam kết này hạn chế quyền của Chile áp dụng hoặc duy trì các biện pháp, ngoài tất cả các biện pháp khác quy định trong Mục D, quy định việc cung cấp các dịch vụ thanh toán điện tử qua biên giới vào Chile bởi một nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác phải thực hiện bằng hợp đồng giữa nhà cung cấp và chi nhánh của nhà cung cấp được thành lập và ủy quyền là thành viên của mạng thanh toán theo luật Chile trong lãnh thổ Chile, miễn là quyền này không được sử dụng như một cách thức để Chile tránh cam kết hoặc nghĩa vụ theo Mục D.

(e) Đối với Nhật Bản

(i) thẻ tín dụng và thẻ trả trước bằng hình thức hữu hình và điện tử được định nghĩa theo luật và quy định của Nhật Bản; và

(ii) thẻ ghi nợ bằng hình thức hữu hình và điện tử, miễn là thẻ này được phép trong khuôn khổ luật và quy định của Nhật Bản.

(f) Đối với Malaysia, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ và thẻ trả trước được quy định theo luật Malaysia

(g) tại Mexico, thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ bằng hình thức hữu hình hoặc điện tử được định nghĩa theo luật Mexico.

(i) Về thẻ thanh toán này, thay cho phạm vi các dịch vụ thanh toán điện tử qua biên giới quy định trong mục 1, chỉ những dịch vụ qua biên giới dưới đây được cung cấp:

(A) nhận và gửi tin nhắn để: yêu cầu cấp phép, hồi đáp cấp phép (chấp nhận hoặc từ chối), cấp phép thay thế, điều chỉnh, hoàn tiền, trả lại hàng, tra soát, đòi bồi hoàn, và các tin nhắn hành chính liên quan,

(B) tính toán khoản phí và số dư phát sinh từ các giao dịch của bên phát hành và bên thu, và nhận và gửi tin nhắn liên quan đến quy trình này tới bên thu và bên phát hành và đại lý và đại diện của các bên này.

- (C) cung cấp bản đối chiếu định kỳ, tóm tắt và hướng dẫn về tình hình tài chính của bên nhận và bên phát hành và đại lý và đại diện của các bên đối với các giao dịch được thông qua, và
- (D) các dịch vụ gia tăng giá trị liên quan đến các hoạt động xử lý chính trong các khoản (g)(i)(A), (g)(i)(B), và (g)(i)(C), ví dụ như các hành động giảm thiểu và ngăn chặn gian lận, và quản lý các chương trình khách hàng thân thiết.
- (ii) Các dịch vụ qua biên giới này chỉ được phép cung cấp bởi bên cung cấp dịch vụ của Bên khác vào lãnh thổ của Mexico theo cam kết này, miễn là các dịch vụ này được cung cấp cho các thể nhân được quản lý bởi Mexico liên quan đến việc tham gia trong mạng lưới thanh toán thẻ và chịu trách nhiệm đối với các dịch vụ này.
- (iii) Không có quy định nào trong cam kết này hạn chế quyền của Mexico áp dụng hoặc duy trì các biện pháp, ngoài tất cả các biện pháp khác quy định trong Mục D, quy định việc cung cấp các dịch vụ thanh toán điện tử qua biên giới vào Mexico bởi một nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác phải thực hiện bằng hợp đồng giữa nhà cung cấp và chi nhánh của nhà cung cấp được thành lập và ủy quyền là thành viên của mạng thanh toán theo luật Mexico trong lãnh thổ Mexico, miễn là quyền này không được sử dụng như một cách thức để Mexico tránh cam kết hoặc nghĩa vụ theo Mục D.
- (h) Đối với New Zealand, thẻ tín dụng hoặc ghi nợ bằng hình thức hữu hình hoặc điện tử.
- (i) Đối với Peru:
- (i) thẻ tín dụng và ghi nợ được định nghĩa theo luật và quy định của Peru; và
- (ii) thẻ trả trước được định nghĩa theo luật và quy định của Peru được phát hành bởi các tổ chức tài chính.
- (j) Đối với Singapore,
- (a) thẻ tín dụng được định nghĩa trong Luật Ngân hàng (Cap. 19), thẻ lệ phí được định nghĩa trong Luật Ngân hàng, và phương tiện cất trữ giá trị được định nghĩa trong Luật (Giám sát) Hệ thống thanh toán (Cap. 222A); và
- (b) thẻ ghi nợ và thẻ rút tiền tự động (“ATM”).
- Để làm rõ hơn, cả hai hình thức hữu hình và điện tử của thẻ hoặc phương tiện được nêu trong khoản (a) và (b) nói trên được hiểu là thẻ thanh toán.
- (k) Đối với Hoa Kỳ, thẻ tín dụng, thẻ lệ phí, thẻ ghi nợ, thẻ séc, thẻ rút tiền tự động (ATM), thẻ trả trước, và các sản phẩm hữu hình hoặc điện tử hoặc dịch vụ để thực hiện chức năng tương tự, và số tài khoản duy nhất gắn liền với thẻ, sản phẩm hoặc dịch vụ đó.
- (l) Đối với Việt Nam, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước, bằng hình thức hữu hình hoặc điện tử, được quy định theo luật và quy định của Việt Nam về

thẻ phát hành trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam sử dụng mã nhà phát hành thẻ hoặc mã ngân hàng phát hành thẻ quốc tế (mã IIN hoặc BIN quốc tế).³⁵

- (a) Việt Nam sẽ cho phép phát hành các thẻ này sử dụng mã IIN hoặc BIN quốc tế tùy thuộc vào điều kiện mà không hạn chế hơn các điều kiện được áp dụng đối với việc phát hành các thẻ không sử dụng mã IIN hoặc BIN quốc tế.
- (b) Để làm rõ nghĩa hơn, không quy định nào trong cam kết này hạn chế quyền của Việt Nam áp dụng hoặc duy trì các biện pháp, ngoài tất cả các biện pháp khác quy định trong Mục D, quy định việc cung cấp các dịch vụ thanh toán điện tử qua biên giới vào Việt Nam bởi một nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác phải cung cấp thông tin và dữ liệu cho Chính phủ Việt Nam nhằm mục đích chính sách công, liên quan đến các giao dịch và nhà cung cấp xử lý, miễn là các biện pháp này không được sử dụng như một cách thức để Việt Nam tránh cam kết hoặc nghĩa vụ theo Mục D.

³⁵ Đối với khoản này, “mã nhà phát hành thẻ hoặc mã ngân hàng phát hành thẻ quốc tế” và “IIN và BIN quốc tế” có nghĩa là số của nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác theo các tiêu chuẩn liên quan do Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế áp dụng.

MỤC E: XEM XÉT MINH BẠCH

Khi xây dựng một quy định mới để áp dụng chung cho Chương này, một Bên xem xét, theo cách thức phù hợp với luật và các quy định trong nước, các ý kiến về việc quy định được đề xuất có thể tác động như thế nào đến hoạt động của các tổ chức tài chính, trong đó có tổ chức tài chính của Bên đó hoặc các Bên khác. Các ý kiến này bao gồm:

- (a) việc gửi tới một Bên bởi một Bên khác về các biện pháp quản lý của Bên đó liên quan đến các mục tiêu của quy định được đề xuất; hoặc
- (b) việc gửi tới một Bên bởi những người quan tâm, trong đó có các Bên khác hoặc tổ chức tài chính của các Bên khác, liên quan tới tác động tiềm tàng của quy định được đề xuất.

Phụ lục 11-C – Cơ chế Ratchet Các Biện pháp Không Tương thích

Mặc dù có quy định tại Điều 11.10.1(c) (Các biện pháp không tương thích), đối với Việt Nam, trong vòng 3 năm sau khi Hiệp định này có hiệu lực:

(a) Các Điều 11.3 (Đối xử quốc gia), Điều 11.4 (Đối xử tối huệ quốc), Điều 11.5 (Tiếp cận thị trường đối với tổ chức tài chính) và Điều 11.9 (Nhân sự quản lý cấp cao và Ban Giám đốc) không được áp dụng cho việc sửa đổi bất kỳ biện pháp không tương thích nào được quy định tại Điều 11.10.1(a) (Các biện pháp không tương thích) theo hướng biện pháp đó không làm giảm tính tương thích của biện pháp, như đã tồn tại tại thời điểm Hiệp định này có hiệu lực đối với Việt Nam, với Điều 11.3 (Đối xử quốc gia), 11.4 (Đối xử tối huệ quốc), 11.5 (Tiếp cận thị trường đối với tổ chức tài chính) và 11.9 (Nhân sự quản lý cấp cao và Ban Giám đốc);

(b) Việt Nam không được hủy quyền hoặc hưởng lợi ích từ:

(i) một tổ chức tài chính của một Bên khác;

(ii) các nhà đầu tư của một Bên khác, và các khoản đầu tư của các nhà đầu tư đó vào các tổ chức tài chính trên lãnh thổ của Bên đó; hoặc

(iii) các nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của một Bên,

Mà dựa vào đó nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư chịu sự điều chỉnh của Hiệp định đã thực hiện hành động cụ thể³⁶, thông qua việc sửa đổi bất kỳ biện pháp không tương thích nào được đề cập tại Điều 11.10.1(a) (Các biện pháp không tương thích) làm giảm mức độ tương thích của biện pháp như đã tồn tại ngay trước khi sửa đổi;

(c) Việt Nam sẽ cung cấp cho mỗi Bên chi tiết của mỗi lần sửa đổi biện pháp không tương thích được đề cập tại Điều 11.10.1(a) (Các biện pháp không tương thích) có khả năng làm giảm mức độ tương thích của biện pháp, như đã tồn tại ngay trước khi sửa đổi, tối thiểu 90 ngày trước khi thực hiện sửa đổi.

³⁶ Hành động cụ thể bao gồm việc chuyển các nguồn lực hoặc vốn để thành lập hoặc mở rộng kinh doanh và áp dụng cho các chứng chỉ cấp phép.

Phụ lục 11-D

Các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về Dịch vụ tài chính

Các cơ quan chức năng của mỗi Bên chịu trách nhiệm về dịch vụ tài chính là:

- (a) Đối với Australia, Bộ Tài chính và Bộ Ngoại giao và Thương mại;
- (b) Đối với Brunei Darussalam, Cơ quan Tiền tệ Brunei Darussalam;
- (c) Đối với Canada, Bộ Tài chính Canada;
- (d) Đối với Chile, Bộ Tài chính;
- (e) Đối với Nhật Bản, Bộ Ngoại giao và Cục Dịch vụ Tài chính, hoặc cơ quan kế nhiệm;
- (f) Đối với Malaysia, Ngân hàng Trung ương Malaysia và Ủy ban chứng khoán Malaysia;
- (g) Đối với Mexico, Bộ Tài chính và Tín dụng công;
- (h) Đối với New Zealand, Bộ Ngoại giao và Thương mại, phối hợp với các nhà quản lý về dịch vụ tài chính;
- (i) Đối với Peru, Bộ Kinh tế và Tài chính, phối hợp với các nhà quản lý tài chính;
- (j) Đối với Singapore, Cơ quan Tiền tệ Singapore;
- (k) Đối với Hoa Kỳ, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm Điều 11.21 (Tranh chấp Đầu tư trong Dịch vụ tài chính) và tất cả vấn đề liên quan đến ngân hàng, chứng khoán và dịch vụ tài chính khác ngoài bảo hiểm. Bộ Tài chính phối hợp với Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ chịu trách nhiệm về các vấn đề bảo hiểm; và
- (l) Đối với Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.

Phụ lục 11-E

1. Brunei Darussalam, Chile, Mexico và Peru không đồng ý việc nộp đơn lên trọng tài theo Mục B của Chương 9 (Đầu tư) vì lý do vi phạm Điều 9.6 (Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu), như được quy định tại Chương này, liên quan tới bất kỳ hành động hoặc sự việc đã diễn ra hoặc bất kỳ tình huống đã không còn tồn tại vào trước thời điểm:

- (a) 5 năm sau khi Hiệp định này có hiệu lực đối với Brunei Darussalam, Chile, và Peru; và
- (b) 7 năm sau khi Hiệp định này có hiệu lực đối với Mexico.

2. Nếu một nhà đầu tư của một Bên nộp đơn lên trọng tài theo Mục B của Chương 9 (Đầu tư) do Brunei Darussalam, Chile, Mexico và Peru vi phạm Điều 9.6 (Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu), như được quy định tại Chương này, nhà đầu tư đó sẽ không thu hồi được các khoản lỗ hoặc thiệt hại phải chịu trước thời điểm:

- (a) 5 năm sau khi Hiệp định này có hiệu lực đối với Brunei Darussalam, Chile, và Peru; và
- (b) 7 năm sau khi Hiệp định này có hiệu lực đối với Mexico.